TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST
Ngày 13/9/2018.
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kim Na Rinh.

Ông Huỳnh Văn Đương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đầy, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Ông Từ Đức Thắng – Chức vụ Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2018/TLST-HNGĐ, ngày 08/5/2018, về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXXST-HN, ngày 13/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2018/QĐST-HN, ngày 28/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Kiên Thị M, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp C N, xã T T, huyện C N, tỉnh T V. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp T L, xã L S, huyện C N, tỉnh T V. Vắng mặt lần thứ 02, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/5/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Kiên Thị M trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh D xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T T vào ngày 13/6/2016, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, khi tiến đến hôn nhân chị và anh D có quen nhau 03 tháng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Nguyên nhân mâu thuẫn là sau ngày cưới chị sống bên chồng, anh D không lo làm ăn mà đi chơi rồi tham gia tệ nạn xã hội như uống rượu mỗi ngày, chị góp ý thì dẫn đến cải vã, gây gổ và đánh nhau nhiều lần, mặt khác chị và anh D không hạp

nhau về lối sống, ứng xử giao tiếp, thường xuyên xung đột nên không sống được và chị bỏ nhà đi từ tháng 4 năm 2017 và ly thân cho đến nay nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

- *Về nuôi con:* Chị M và anh D chung sống không có sinh con chung.

- *Về tài sản chung vợ chồng:* Chị M không tranh chấp, không khởi kiện nên Tòa không xem xét giải quyết.

- *Về số nợ phải thu, phải trả:* Chị M không tranh chấp, không khởi kiện nên Tòa không xem xét giải quyết. Ngoài ra chị M không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn D: Vắng mặt lần thứ 02 không có lý do nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt cho các đương sự nhận và niêm yết đầy đủ theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị M, xử cho chị M được ly hôn với anh D, về con chung không có, về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả do chị M không tranh chấp, không khởi kiện, nên không xem xét giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm chị M được miễn nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn D là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa anh D vắng mặt lần thứ 02 không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị M làm đơn khởi kiện anh D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D, ngoài ra chị M không có yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật giải quyết là "*Tranh chấp ly hôn*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị M và anh D xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T T vào ngày 13/6/2016, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn,

từ đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới chị M và anh D sống đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn.

Chị M khai: Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D không lo làm ăn mà thường xuyên đi chơi rồi tham gia tệ nạn xã hội như uống rượu mỗi ngày, mỗi lần chị góp ý thì dẫn đến cải vã, gây gổ, đánh nhau nhiều lần, mặt khác chị và anh D sống chung nhưng không hạp nhau về lối sống, về ứng xử giao tiếp, thường xuyên xung đột với nhau nên vợ chồng sống không có hạnh phúc và chị bỏ nhà đi từ tháng 4 năm 2017 ly thân cho đến nay nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án anh D đều vắng mặt, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ ghi lời khai của anh D, anh D trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là sau ngày cưới sống chung với nhau thời gian ngắn thì bất hòa với nhau về lối sống, chị M tự ý bỏ nhà đi, vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay nên tình cảm không còn và anh D cũng đồng ý ly hôn với chị M.

Xét thấy gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng để hình thành và giáo dục nhân cách con người, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Do đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Quá trình chung sống giữa chị M và anh D tuy chưa thống nhất với nhau về lối sống, về ứng xử giao tiếp thì anh chị phải biết tự điều chỉnh hành vi của mình, cùng nhau góp ý xây dựng, chia sẽ và tôn trọng lẫn nhau nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Đàng này khi mâu thuẫn xảy ra chị M, anh D bỏ mặt, không quan tâm đến tình chồng nghĩa vợ, từ đó làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạng nức cụ thể chị M và anh D ly thân từ tháng 4 năm 2017 cho đến nay.

Tòa án mở 03 phiên họp để hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng anh D đều vắng mặt không có lý do nên phiên hòa giải đoàn tụ không tiến hành được. Tại phiên tòa hôm nay anh D tiếp tục vắng mặt, từ đó cho thấy việc hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Từ những chứng cứ nêu trên, xét thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh D ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị M, xử cho chị M được ly hôn với anh D là phù hợp quy định pháp luật.

- Về con chung: Chị M và anh D chung sống không có sinh con chung.

- Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị M không khởi kiện, không đặt ra yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo quy định pháp luật chị Kiên Thị M có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng, nhưng do chị M là người dân tộc thiểu số sống ở xã Trường Thọ, huyện Cầu Ngang thuộc xã nghèo, mặt khác chị M thuộc diện hộ

nghèo được cấp sổ và chị M có làm đơn xin miễn nộp tiền án phí và được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Căn cứ các Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Kiên Thị M được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 147, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Kiên Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Kiên Thị M và anh Nguyễn Văn D được ly hôn với nhau.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Kiên Thị M được miễn nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

- Chị Kiên Thị M có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã T T, huyện CN, tỉnh T V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm